

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST  
Ngày: 03-8 - 2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua  
bán tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Đức.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Văn Thanh.
2. Bà Huỳnh Thị Thùy Dung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 100/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Phan Văn P, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 2, ấp A, xã B, thành phố K, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn CH, sinh năm 1959 và bà Lê Thị PH; cùng địa chỉ: tổ 1, ấp A, xã B, thành phố K, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Văn P trình bày:* Ngày 19/12/2017, ông CH, bà PH đến cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông P mua phân bón và thuốc với số tiền 39.546.000 đồng, thỏa thuận thanh toán sau 03 tháng. Tuy nhiên, ông CH, bà PH

không thanh toán tiền nên cam kết nợ lại và đồng ý trả lãi với lãi suất 03%/tháng, nhưng đến nay chỉ trả được 1.000.000 đồng tiền lãi.

Ông P khởi kiện yêu cầu ông CH, bà PH phải trả số tiền vốn 39.546.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 19/12/2017.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn CH và Lê Thị PH khai:* Trước đây, ông CH và bà PH có nhiều lần mua phân bón, thuốc sâu tại cửa hàng vật tư nông nghiệp của ông P. Đến ngày 19/12/2017, hai bên chốt sổ thì còn nợ số tiền 39.546.000 đồng, ông CH và bà PH có hẹn sẽ thanh toán sau 03 tháng. Sau 03 tháng, ông CH và bà PH tiếp tục không có khả năng trả nợ nên đồng ý trả lãi với lãi suất 03%/tháng. Đến nay, ông CH và bà PH chỉ trả lãi được 1.000.000 đồng tiền lãi, chưa trả vốn.

Ông CH và bà PH đồng ý trả vốn 39.546.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế đang khó khăn, ông CH đang bị bệnh nên xin được trả dần 200.000 đồng/tháng, yêu cầu không tính lãi.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại phiên tòa,

Ông CH và bà PH cho rằng, thời điểm tổng kết nợ là vào ngày 15/11/2018, ông CH và bà PH còn nợ ông P số tiền mua phân, thuốc bón cây là 39.546.000 đồng, không phải ngày 19/12/2017. Số tiền 1.000.000 đồng ông CH, bà PH đã trả cho ông P là tiền lãi, không yêu cầu điều chỉnh lãi. Ông CH, bà PH đồng ý trả vốn 39.546.000 đồng cho ông P nhưng với phương thức trả dần mỗi tháng 200.000 đồng, yêu cầu ông P không tính lãi.

Ông P thống nhất lời khai của ông CH, bà PH việc ông CH, bà PH nhiều lần mua phân, thuốc bón cây của ông, thời điểm tổng kết nợ là vào ngày 15/11/2018, không phải ngày 19/12/2017. Yêu cầu ông CH, bà PH trả đủ một lần số tiền vốn 39.546.000 đồng; do ông CH và bà PH có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đồng ý không tính lãi.

*Ý kiến Kiểm sát viên:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng pháp luật. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Giao dịch mua bán tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn được giao kết trên tinh thần tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ. Quá trình thực hiện thì ông CH, bà PH

không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên mua nên làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên bán là ông P. Nên việc ông P khởi kiện yêu cầu buộc ông CH, bà PH trả số tiền mua hàng còn nợ là 39.546.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 430, 440 BLDS năm 2015.

Tại phiên tòa, ông P rút lại yêu cầu tính lãi nên căn cứ Điều 244 BLTTDS đề nghị đình chỉ.

Việc ông CH, bà PH xin trả dần 200.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ do hoàn cảnh kinh tế hiện nay khó khăn, phía ông P không đồng ý nên không có cơ sở xem xét giải quyết.

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn có nơi cư trú tổ 01, ấp A, xã B, thành phố K, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố K theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung vụ án:*

[2.1] Về vốn:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có lời khai thống nhất về nội dung: Ông CH và bà PH nhiều lần mua phân, thuốc bón cây của ông P. Đến ngày 15/11/2018, ông CH, bà PH còn nợ ông P số tiền mua phân bón và thuốc là 39.546.000 đồng, các bên thỏa thuận thanh toán sau 03 tháng. Tuy nhiên, ông CH, bà PH không thanh toán tiền nên cam kết nợ lại và đồng ý trả lãi với lãi suất 03%/tháng, nhưng đến nay chỉ trả được 1.000.000 đồng tiền lãi.

Từ đó, có cơ sở xác định giữa ông P với ông CH, bà PH có giao kết hợp đồng mua bán phân bón và thuốc, đến ngày 15/11/2018, ông CH và bà PH còn nợ ông P số tiền 39.546.000 đồng; nội dung và hình thức của hợp đồng mua bán không trái với quy định pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông CH và bà PH đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu trả vốn của ông P là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả dần vốn mỗi tháng 200.000 đồng của ông CH và bà PH là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P, không được ông P đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về tiền lãi:

Ông P thay đổi yêu cầu, không tính lãi đối với ông CH, bà PH nên ông CH, bà PH không phải trả lãi cho ông P. Ngoài ra, ông CH, bà PH không yêu cầu điều chỉnh số tiền lãi đã trả nên không xem xét giải quyết.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông CH và bà PH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông CH là người cao tuổi nên được miễn phần án phí dân sự sơ thẩm ông phải chịu theo quy định. Ông P được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lãi tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông P.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn P.

Buộc ông Nguyễn Văn CH và bà Lê Thị PH có trách nhiệm trả cho ông Phan Văn P 39.546.000 (ba mươi chín nghìn năm trăm bốn mươi sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

*Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Lê Thị PH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 988.500 (chín trăm tám mươi tám nghìn năm trăm) đồng; ông Nguyễn Văn CH không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phan Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông P 1.735.000 (một triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số TU/2017/0003806 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Đức**